

Số: 44 /2013/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 16 tháng 5 năm 2013

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Quy định thi hành Quyết định giải quyết khiếu nại  
và Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật  
trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**



**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11 tháng 11 năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003; Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra tỉnh Kiên Giang tại Tờ trình số 09/TTr-TTr ngày 08 tháng 02 năm 2013,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định thi hành Quyết định giải quyết khiếu nại và Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật trên địa bàn tỉnh Kiên Giang”.

**Điều 2.** Giao trách nhiệm cho Chánh Thanh tra tỉnh kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quyết định này.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Chánh Thanh tra tỉnh; Giám đốc sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký. Bãi bỏ Quyết định số 57/2003/QĐ-UB ngày 19/5/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định về trình tự, thủ tục tổ chức thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ (A+B);
- Thanh tra Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản-Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Như Điều 3;
- Đăng Công báo tỉnh;
- Lãnh đạo VP, P. NCPC;
- Thanh tra tỉnh (10b);
- Trụ sở Tiếp công dân của tỉnh;
- Lưu: VT, TTr tỉnh, hvlu.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Lê Văn Thi**

## **QUY ĐỊNH**

### **Về việc thi hành Quyết định giải quyết khiếu nại và Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 14 /2013/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)*

## **Chương I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định việc thi hành Quyết định giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính và Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai (gọi tắt là Quyết định giải quyết khiếu nại, tranh chấp đất đai) có hiệu lực pháp luật trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp; người khiếu nại; người bị khiếu nại; các bên tranh chấp và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc thi hành Quyết định giải quyết khiếu nại, Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

#### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. Quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật là quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu mà trong thời hạn do pháp luật quy định người khiếu nại không khiếu nại lần hai hoặc không khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án; quyết định giải quyết khiếu nại lần hai mà trong thời hạn do pháp luật quy định người khiếu nại không khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án.

2. Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật là quyết định giải quyết của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (dưới đây gọi chung là Chủ tịch UBND cấp huyện), trong thời hạn do pháp luật quy định mà một bên hoặc các bên tranh chấp không tiếp tục gửi đơn tranh chấp đến cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền hoặc khởi kiện theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

#### **Điều 4. Nguyên tắc thi hành quyết định có hiệu lực pháp luật**

1. Các quyết định giải quyết khiếu nại, tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật phải được các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan nghiêm chỉnh chấp hành. Người có trách nhiệm thi hành mà không thi hành phải bị xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

2. Việc tổ chức thi hành quyết định giải quyết khiếu nại, tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật phải gắn với việc thực hiện công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục và thuyết phục tổ chức, cá nhân liên quan tự nguyện, tự giác chấp hành quyết định.

3. Tôn trọng sự thỏa thuận của các bên liên quan trong việc thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại, tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật, nếu thỏa thuận đó không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Việc thỏa thuận thi hành quyết định có thể thực hiện ở bất kỳ giai đoạn nào của quá trình thi hành quyết định.

4. Việc tạm ngừng tổ chức thi hành quyết định giải quyết khiếu nại, tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật, chỉ thực hiện khi có văn bản tạm đình chỉ của người có thẩm quyền.

## **Chương II**

### **CÔNG KHAI QUYẾT ĐỊNH VÀ TRÁCH NHIỆM, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI CÓ HIỆU LỰC PHÁP LUẬT**

#### **Điều 5. Gửi, công khai quyết định giải quyết khiếu nại**

1. Việc gửi quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu hoặc lần hai được thực hiện theo quy định tại Điều 32 và khoản 1, Điều 41 của Luật Khiếu nại.

2. Người giải quyết khiếu nại lần hai phải công khai quyết định giải quyết khiếu nại trên trang thông tin điện tử của địa phương, đơn vị mình; niêm yết công khai tại Trụ sở hoặc nơi tiếp công dân của địa phương, đơn vị mình trong thời hạn ít nhất là 15 ngày kể từ ngày đăng thông báo hoặc niêm yết.

#### **Điều 6. Trách nhiệm thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật**

Trách nhiệm của người giải quyết khiếu nại, người bị khiếu nại, người khiếu nại, người có quyền, lợi ích hợp pháp liên quan; của cơ quan, tổ chức quản lý cán bộ, công chức; của cơ quan được giao tổ chức thi hành quyết định giải quyết khiếu nại và của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác trong việc thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật được thực hiện theo quy định tại Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18 và Điều 19 Nghị định số 75/2012/NĐ-CP.

#### **Điều 7. Giao nhiệm vụ tổ chức thi hành quyết định**

Việc giao nhiệm vụ tổ chức thi hành quyết định giải quyết khiếu nại được quy định cụ thể trong quyết định giải quyết khiếu nại của người có thẩm quyền.

**Điều 8. Trường hợp quyết định giải quyết khiếu nại kết luận quyết định hành chính, hành vi hành chính là trái pháp luật**

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật, Thủ trưởng cơ quan nhà nước có quyết định hành chính, hành vi hành chính trái pháp luật bị khiếu nại phải ban hành quyết định hành chính khác để sửa đổi, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ quyết định hành chính bị khiếu nại; chỉ đạo tổ chức thực hiện và kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện quyết định đó; chấm dứt hành vi hành chính bị khiếu nại; đồng thời khôi phục quyền và lợi ích hợp pháp của người khiếu nại, bồi thường thiệt hại (nếu có) theo quy định của pháp luật.

**Điều 9. Trường hợp quyết định giải quyết khiếu nại kết luận quyết định hành chính, hành vi hành chính là đúng pháp luật**

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật, cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phải tổ chức triển khai thực hiện quyết định đó theo quy định của pháp luật và yêu cầu người khiếu nại chấp hành quyết định giải quyết.

**Điều 10. Nội dung công việc chuẩn bị trước khi triển khai quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật**

1. Căn cứ vào nội dung khiếu nại, chức năng quản lý nhà nước, người giải quyết khiếu nại giao cho cơ quan chuyên môn hoặc cơ quan hành chính nhà nước cấp dưới tổ chức thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật. Việc giao nhiệm vụ được thực hiện bằng văn bản theo Điều 7 của Quy định này.

Trên cơ sở đó, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn hoặc Thủ trưởng cơ quan hành chính nhà nước cấp dưới tổ chức thi hành, phân công cho cán bộ, công chức tổ chức thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật.

2. Cán bộ, công chức được giao nhiệm vụ tổ chức thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật phải xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện quyết định, bao gồm: Yêu cầu, nội dung, phương pháp tiến hành, thành phần tham dự và việc phân công nhiệm vụ cho từng thành viên tham gia triển khai quyết định.

3. Địa điểm triển khai quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật, thì tùy theo tính chất của từng vụ việc, có thể triển khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã nơi phát sinh khiếu nại hoặc tại trụ sở cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức thi hành quyết định.

4. Thành phần tham dự triển khai quyết định bao gồm: Cán bộ, công chức của cơ quan có trách nhiệm thi hành quyết định; người khiếu nại (hoặc người đại diện); người bị khiếu nại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thi hành quyết định.

Trước khi tiến hành cuộc họp triển khai quyết định, cơ quan chủ trì phải có văn bản thông báo (hoặc thư mời) gửi đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan biết. Thời gian thông báo hoặc gửi thư mời phải trước 3 ngày làm việc.

**Điều 11. Trường hợp người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đến dự**

Trường hợp đã thông báo hoặc gửi thư mời họp lệ đến lần thứ ba mà người khiếu nại, người bị khiếu nại hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cố tình trì hoãn, trốn tránh thì vẫn triển khai, công bố thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật, đồng thời mời đại diện chính quyền địa phương, đại diện các tổ chức đoàn thể, quần chúng nhân dân chứng kiến và ký tên xác nhận.

**Điều 12. Nội dung triển khai quyết định**

1. Cán bộ, công chức của cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật trực tiếp triển khai, công bố quyết định, giải thích căn cứ pháp luật để giải quyết khiếu nại; yêu cầu người khiếu nại, người bị khiếu nại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải thực hiện quyết định trong thời hạn quy định.

2. Việc triển khai, công bố quyết định phải được lập thành biên bản, cán bộ, công chức được phân công ghi biên bản phải ghi chép đầy đủ các nội dung triển khai quyết định. Biên bản bao gồm những nội dung sau: Ngày, tháng, năm triển khai quyết định; thời gian, địa điểm triển khai quyết định; họ tên của người tham dự; nội dung khiếu nại, kết quả giải quyết; ý kiến của người khiếu nại, người bị khiếu nại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (nếu có). Kết thúc buổi triển khai, công bố quyết định, cán bộ, công chức được giao nhiệm vụ tổ chức thi hành quyết định yêu cầu người khiếu nại, người bị khiếu nại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đại diện các cơ quan, tổ chức tham dự ký tên và ghi rõ họ tên vào biên bản.

**Chương III**

**CÔNG KHAI QUYẾT ĐỊNH VÀ TRÁCH NHIỆM, TRÌNH TỰ,  
THỦ TỤC THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH GIẢI QUYẾT  
TRANH CHẤP ĐẤT ĐAI CÓ HIỆU LỰC PHÁP LUẬT**

**Điều 13. Gửi, công khai, trách nhiệm thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật**

Việc gửi, công bố, trách nhiệm thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật, được thực hiện theo Điều 5, Điều 6, Điều 7 của Quy định này.

**Điều 14. Thời hạn triển khai quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật**

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật, cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phải tổ chức triển khai thực hiện quyết định đó theo quy định của pháp luật và yêu cầu các bên tranh chấp chấp hành quyết định giải quyết.

**Điều 15. Nội dung công việc chuẩn bị trước khi triển khai quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật**

1. Căn cứ vào nội dung tranh chấp, chức năng quản lý nhà nước, người có thẩm quyền giải quyết giao cho cơ quan chuyên môn hoặc cơ quan hành chính nhà nước cấp dưới tổ chức thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật. Việc giao nhiệm vụ được thực hiện bằng văn bản theo Điều 7 của Quy định này.

Trên cơ sở đó, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn hoặc Thủ trưởng cơ quan hành chính nhà nước cấp dưới tổ chức thi hành, phân công cho cán bộ, công chức tổ chức thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật.

2. Cán bộ, công chức được giao nhiệm vụ tổ chức thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật phải xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện quyết định. Kế hoạch phải được xây dựng chi tiết, tùy theo tính chất của từng vụ việc mà thể hiện rõ yêu cầu, nội dung, thời gian, biện pháp thực hiện và thành phần tham dự.

**Điều 16. Địa điểm và thành phần triển khai quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật**

1. Địa điểm triển khai quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật, thì tùy theo tính chất của từng vụ việc, có thể triển khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã nơi có đất tranh chấp hoặc tại trụ sở cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức thi hành quyết định.

2. Thành phần tham dự triển khai quyết định bao gồm: Cán bộ, công chức của cơ quan có trách nhiệm thi hành quyết định; các bên tranh chấp (hoặc người đại diện); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật.

Trước khi tiến hành cuộc họp triển khai, cơ quan chủ trì phải có văn bản thông báo (hoặc thư mời) gửi đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan biết. Thời gian thông báo hoặc gửi thư mời phải trước 03 ngày làm việc.

**Điều 17. Trường hợp các bên tranh chấp, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đến dự**

Trường hợp đã thông báo hoặc gửi thư mời họp lệ đến lần thứ ba mà các bên tranh chấp, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cố tình trì hoãn, trốn tránh thì vẫn triển khai, công bố thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất

đại có hiệu lực pháp luật, đồng thời mời đại diện chính quyền địa phương, đại diện các tổ chức đoàn thể, quần chúng nhân dân chứng kiến và ký tên xác nhận.

**Điều 18. Nội dung triển khai và tổ chức thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật**

1. Cán bộ, công chức của cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật trực tiếp triển khai, công bố quyết định, giải thích căn cứ pháp luật để giải quyết tranh chấp đất đai; quy định thời hạn phải chấp hành thực hiện quyết định; sau đó phải đo đạc, cắm mốc, lập biên bản bàn giao cụ thể trên thực địa diện tích đất đang tranh chấp cho người được công nhận quyền sử dụng.

2. Việc triển khai, tổ chức thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật phải được lập thành biên bản, ghi chép, phản ánh đầy đủ nội dung kết luận, giải quyết tranh chấp về quyền sử dụng đất; ý kiến thống nhất hoặc không thống nhất với nội dung giải quyết của các bên tranh chấp và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (nếu có), kèm theo sơ đồ vị trí, có định vị phần đất tranh chấp được bàn giao.

**Điều 19. Xử lý trường hợp không chấp hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật**

1. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hết thời hạn quy định phải chấp hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật, nếu các bên tranh chấp không tự giác chấp hành, thì tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết định phải chỉ đạo cơ quan chức năng phối hợp với các đoàn thể và chính quyền cơ sở tổ chức vận động, thuyết phục để các bên tự giác chấp hành nghiêm quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật. Nội dung làm việc phải được lập thành biên bản và lưu trong hồ sơ thụ lý.

2. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày đã tổ chức vận động, thuyết phục, nếu các bên tranh chấp không tự giác chấp hành mà có hành vi sử dụng đất không đúng vị trí, ranh giới, diện tích theo quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật hoặc có hành vi vi phạm khác trong lĩnh vực đất đai, thì Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo cơ quan chuyên môn lập biên bản vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm.

Việc xác định và xử lý hành vi vi phạm hành chính, tổ chức thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, về trình tự, thủ tục phải đảm bảo theo quy định của pháp luật xử lý vi phạm hành chính.

**Điều 20. Xử lý trường hợp không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai**

Quá thời hạn quy định mà người bị xử phạt vi phạm hành chính không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, thì cơ quan được giao trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết định đề nghị người có thẩm quyền ban hành quyết định cưỡng chế và tổ chức thi hành theo đúng quy định của pháp luật.

**Điều 21. Các thủ tục về xử phạt vi phạm hành chính, cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính**

Các thủ tục về xử phạt vi phạm hành chính, cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính bao gồm: Biên bản vi phạm hành chính, quyết định xử phạt vi phạm hành chính, biên bản triển khai quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định cưỡng chế, thông báo về việc tổ chức cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính,... phải được người vi phạm ký, nhận và phải có đầy đủ chữ ký của các thành phần tham dự và người có thẩm quyền. Trường hợp người vi phạm, người có nghĩa vụ chấp hành quyết định xử lý cố tình không ký, nhận hoặc cố tình trốn tránh, trì hoãn, thì những thủ tục trên phải được niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc trụ sở ấp, khu phố, tổ nhân dân tự quản nơi có đất tranh chấp và nơi cư trú của người vi phạm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày niêm yết.

**Điều 22. Xử lý trường hợp tái lấn, chiếm sau khi đã có quyết định xử phạt vi phạm hành chính, cưỡng chế hành chính**

Trường hợp đã bị xử phạt vi phạm hành chính, cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, mà người có nghĩa vụ phải thi hành quyết định giải quyết tranh chấp về đất đai, quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai cố tình không chấp hành, trốn tránh, trì hoãn việc thi hành hoặc tái lấn, chiếm đất, thì người có thẩm quyền ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, cưỡng chế hành chính lập biên bản tái phạm và lập thủ tục chuyển toàn bộ hồ sơ vụ việc sang cơ quan Công an cùng cấp để điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

**Chương IV**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 23. Xem xét lại việc giải quyết khiếu nại, tranh chấp đất đai**

1. Khi phát hiện việc giải quyết khiếu nại, tranh chấp đất đai (lần đầu hoặc lần hai) của Chủ tịch UBND tỉnh có vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức hoặc có tình tiết mới làm thay đổi nội dung vụ việc thì Chánh Thanh tra tỉnh, Giám đốc sở, Chủ tịch UBND cấp huyện kiến nghị với Chủ tịch UBND tỉnh có văn bản kiến nghị Thủ tướng Chính phủ, Tổng Thanh tra Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ yêu cầu người có thẩm quyền giải quyết lại vụ việc hoặc kiến nghị Tổng Thanh tra Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ kiểm tra, xem xét lại vụ việc, báo cáo Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo giải quyết.

2. Khi phát hiện việc giải quyết khiếu nại, tranh chấp đất đai (lần đầu hoặc lần hai) của Chủ tịch UBND cấp huyện, Giám đốc sở và cấp tương đương vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức hoặc có tình tiết mới làm thay đổi nội dung

vụ việc, thì Chánh Thanh tra các cấp kiến nghị Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp hoặc kiến nghị người có thẩm quyền giải quyết lại vụ việc hoặc báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo giải quyết.

#### **Điều 24. Trách nhiệm thi hành**

1. Giám đốc sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật của Bộ, ngành Trung ương, của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khi được giao.

2. Thủ trưởng các phòng, ban chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức triển khai thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện khi được giao.

3. Chánh Thanh tra các cấp giúp thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan thuộc quyền quản lý trực tiếp trong việc thi hành quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức thì kiến nghị thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp hoặc kiến nghị người có thẩm quyền áp dụng biện pháp cần thiết để chấm dứt vi phạm, xem xét trách nhiệm, xử lý đối với người vi phạm.

4. Giám đốc sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra, hướng dẫn và theo dõi việc thực hiện Quy định này; định kỳ (quý, 6 tháng, năm) hoặc đột xuất tổ chức sơ, tổng kết rút kinh nghiệm trong việc thi hành quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật, đồng thời báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Thanh tra tỉnh) theo quy định.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc thì đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Thanh tra tỉnh) để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. /.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Lê Văn Thi**